TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 24 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Mộc Khải;

- Ông Lê Châu Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X; địa chỉ: số 442x, phường B, quận F, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: ông Từ Tiến T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh N, nhân viên xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 1667/UQ-QLN.19 ngày 23/11/2021). Địa chỉ: Số 09x, phường M, thành phố M, An Giang (có mặt);

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T (tên thường gọi: R), sinh năm 1966; địa chỉ: tổ 10, khóm 7, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X (gọi tắt là Ngân hàng X) trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 06/3/2018 Ngân hàng X có cho bà Nguyễn Ngọc T vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.529.050318, số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, mục đích vay là tiêu dùng.

Để bảo đảm khoản vay, bà T có thế chấp cho Ngân hàng X giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu ở và tài sản khác gắn liền với đất số 00296 QSDĐ/Bc ngày 03/8/2004 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 00144 ngày 14/02/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LOX.BĐCN.223.050318. Quá trình vày, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng X vốn gốc 399.206.141 đồng, sau đó thì ngưng thanh toán kể từ tháng 4/2021 đến nay, mặc dù Ngân hàng X đã liên hệ, đôn đốc thực hiện.

Do bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng X gửi đơn khởi kiện chấm dứt hợp đồng tín dụng trước hạn và yêu cầu bà trả đủ một lần vốn gốc và lãi vay cho Ngân hàng X tính đến ngày 24/3/2022, tổng số tiền là **455.755.907** đồng (trong đó nợ gốc 400.793.859 đồng , lãi trong hạn 23.381.899 đồng, lãi quá hạn 28.956.703 đồng phạt chậm trả lãi 2.623.446 đồng), đồng thời phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sau ngày 24/3/2022 đến khi thanh toán xong. Đề nghị tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thi hành án.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Bà T thừa nhận có ký hợp đồng vay vốn Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng; bà có thế chấp cho Ngân hàng tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu ở và tài sản khác gắn liền với đất số 00296 QSDĐ/Bc ngày 03/8/2004 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 00144 ngày 14/02/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LOX.BĐCN.223.050318 ngày 06/3/2018.

Bà đã trả được cho Ngân hàng X vốn gốc 399.206.141 đồng, còn nợ 455.755.907 đồng (trong đó nợ gốc 400.793.859 đồng , lãi trong hạn 23.381.899 đồng, lãi quá hạn 28.956.703 đồng phạt chậm trả lãi 2.623.446 đồng) theo như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

Nguyên nhân bà vi phạm hợp đồng là do tình hình dịch bệnh Covid nên việc mua bán quần áo cũ gặp khó khăn, thua lỗ nên không có điều kiện trả nợ đúng hạn. Hiện nay bà đã có thông báo bán nhà, đất, nhưng chưa được giá do dịch bệnh, vì vậy xin hẹn thời hạn trong vòng 06 tháng kể từ ngày xét xử hôm nay sẽ thanh toán dứt điểm tiền nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến ban đầu, bị đơn bà T xin gia hạn thời gian trả nợ đến tháng 9/2022 sẽ trả đủ vốn, lãi và xin không trả lãi phát

sinh kể từ ngày xét xử cho đến tháng 9/2022. Trường hợp Ngân hàng X không chấp nhận ý kiến này, bà T xin gia hạn thời hạn trả nợ gốc, lãi và lãi phát sinh cho Ngân hàng X trong vòng một năm tính từ ngày 24/3/2022.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 195, 196, 198 và Điều 203, 208 BLTTDS năm 2015. Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án, xét thấy việc vay nợ giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, trong thời gian thực hiện hợp đồng bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng X. Do đó, việc Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu bà T trả một lần số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

Đối với tài sản của bà T thế chấp tại Ngân hàng X theo Hợp đồng số LOX.BĐCN.223.050318 ngày 06/3/2018, để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LOX.CN.529.050318, ngày 06/3/2018 nên việc Ngân hàng X yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án là có căn cứ chấp nhận.

Việc bà T xin trả dần nợ gốc trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 24/3/2022; xin giảm một phần nợ lãi không được phía Ngân hàng X đồng ý nên không có cơ sở xem xét. Riêng, yêu cầu hoãn thời hạn xử lý tài sản thế chấp, trong vòng 01 năm bà sẽ trả dứt điểm số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng X sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

Từ phân tích trên, căn cứ các Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tổ 10, khóm 7, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung

[2] Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.529.050318, ngày 06/3/2018 giữa Ngân hàng X và bà Nguyễn Ngọc T được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[3] Về vốn và lãi vay

Ngân hàng X có cho bà Nguyễn Ngọc T vay 800.000.000 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.529.050318 ngày 06/3/2018; thời hạn vay 84 tháng, lãi suất vay trong hạn 9,5%/năm cố định 06 tháng đầu, sau đó điều chỉnh 03tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm; mục đích vay là tiêu dùng. Để bảo đảm khoản vay, bà T có thế chấp cho Ngân hàng X giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00296 QSDĐ/Bc ngày 03/8/2004 do UBND thị xã (nay thành phố) K cấp ngày 03/8/2004, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 11/8/2011 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 001-44 do UBND thị xã (nay thành phố) K cấp ngày 14/02/2007, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 11/8/2011, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LOX.BĐCN.223.050318 ngày 06/3/2018.

Quá trình vay, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 11/10/2021 Ngân hàng X ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ chưa trả. Tính đến ngày 24/3/2022 bà T còn nợ 455.755.907 đồng (trong đó: Nợ gốc 400.793.859 đồng; lãi trong hạn: 23.381.899 đồng; lãi quá hạn: 28.956.703; phạt chậm trả lãi 2.623.446 đồng). Do đó, việc Ngân hàng X yêu cầu bà T thanh toán toàn bộ số nợ trên, tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành án là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/3/2022), bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Đối với ý kiến của bị đơn bà T xin thời hạn trả nợ gốc và lãi đến tháng 9/2022, nhưng không được phía nguyên đơn Ngân hàng X chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.121.500 đồng.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.230.236 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Buộc bà Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X tiền vốn gốc và lãi suất vay là 455.755.907 đồng, trong đó vốn gốc 400.793.859 đồng, lãi trong hạn 23.381.899 đồng, lãi quá hạn 28.956.703 đồng, phạt chậm trả lãi 2.623.446 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/3/2022), bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Ngọc T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo hợp đồng thế chấp số LOX.BĐCN.223.050318 ngày 06/3/2018 giữa Ngân hàng TMCP X với bà Nguyễn Ngọc T theo quy định pháp luật để thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Ngân hàng thương mại cổ phần X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 11.121.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001931 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 22.230.236 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng thương mại cổ phần X, bà Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Trịnh Thị Ngọc Hà